TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2023/DS-ST
Ngày: 25/9/2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Huỳnh Văn Hiệp.

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 25/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 01 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 308/2023/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng N1.** Địa chỉ: Số B L, quận B, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Hữu M** – chức vụ: Phó giám đốc – Chi nhánh T1. Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (theo giấy ủy quyền số 177/GUQ-NHNoTP ngày 01/12/2022) (Có mặt).

Bị đơn:

- Ông **Đoàn Quốc H**, sinh năm 1975, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt);

- Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1975, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng(Vắng mặt);

- Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1951, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (Chết ngày 23/3/2023).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị T: Ông **Đoàn Quốc H**, sinh năm 1975, địa chỉ: ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng N1 là ông Nguyễn Hữu M trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để nuôi tôm, ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B và bà Ngô Thị T có thực hiện việc vay vốn của Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1 theo Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801495/HĐTD ngày 01/11/2018 với Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1. Tổng số tiền vay được nhận ngày 05/10/2022 là 180.000.000 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B và bà Ngô Thị T đã dùng tài sản của gia đình để thế chấp cho Ngân hàng N1 - Chi nhánh T1: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201500489/HĐTC ngày 03/11/2015 giữa Ngân hàng N1– chi nhánh T1 với ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B và bà Ngô Thị T. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 512, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.867 m^2, loại đất: Mùa, địa chỉ ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B655844, số vào sổ cấp giấy 00149 do UBND huyện M cấp cho hộ bà Ngô Thị T ngày 01 tháng 8 năm 1993.

Trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, thời hạn trả nợ khoản vay đã hết, Ngân hàng nhiều lần thông báo và mời ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B và bà Ngô Thị T đến yêu cầu trả nợ, nhưng không đến trả nợ dẫn đến phát sinh nợ quá hạn kể từ ngày 02/11/2019.

Tạm tính đến ngày 25/9/2023 thì phía bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền là 264.680.000 đồng. Trong đó: Số tiền vốn là 180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 82.701.370 đồng, lãi quá hạn là 1.978.630 đồng.

Nay Ngân hàng N1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B, bà Ngô Thị T trả nợ (gốc và lãi) theo Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801495/HĐTD ngày 01/11/2018 cho Ngân hàng N1 tạm tính đến ngày 25/9/2023 là 264.680.000 đồng. Trong đó: Số tiền vốn là 180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 82.701.370 đồng, lãi quá hạn là 1.978.630 đồng và lãi phát sinh sau ngày 25/9/2023 đến ngày trả tất nợ.

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán được nợ cho Ngân hàng N1 thì yêu cầu Tòa án tuyên cho Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2023 bị đơn ông Đoàn Quốc H thừa nhận có nợ của Ngân hàng N1 số tiền vốn là 180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 67.216.438 đồng, lãi quá hạn là 1.118.356 đồng theo thông báo thụ lý vụ án. Nay Ngân hàng yêu cầu trả nợ thì do hoàn cảnh khó khăn nên không có khả năng trả nợ. Trường hợp không

thanh toán được nợ và Ngân hàng có yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thu hồi nợ thì bị đơn cũng đồng ý.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đại diện nguyên đơn đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 từ giai đoạn thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên án phí, chi phí thẩm định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Ngô Thị T chết ngày 23/3/2023, hàng thừa kế thứ nhất của bà Thế là ông Đoàn Quốc H. Căn cứ khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định ông Đoàn Quốc H là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Ngô Thị T.

[1.2] Bị đơn ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B đã được Toà án triệu tập hợp lệ tham gia phiên toà đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Ngân hàng N1 yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N1 tổng số nợ tạm tính đến ngày 25/9/2023 là 264.680.000 đồng. Trong đó: Số tiền vốn là 180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 82.701.370 đồng, lãi quá hạn là 1.978.630 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đến khi thanh toán xong nợ. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801495/HĐTD ngày 01/11/2018, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201500489/HĐTC ngày 03/11/2015, Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201500489/HĐTC ngày 01/11/2018 giữa Ngân hàng N1−chi nhánh T1 với ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B và bà Ngô Thị T. Bị đơn thừa nhận có vay tiền và hiện nay còn nợ số tiền vốn và lãi như lời trình bày của N hang. Hiện nay do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng thanh toán cho Ngân hàng. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là tình tiết không phải chứng minh và có đủ căn cứ để xác định bị đơn có nợ nguyên đơn Ngân hàng N1 số nợ tạm tính

đến ngày 25/9/2023 là 264.680.000 đồng. Trong đó: Số tiền vốn là 180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 82.701.370 đồng, lãi quá hạn là 1.978.630 đồng.

[3] Nhận thấy khi thực hiện thỏa thuận vay tiền, nguyên đơn đã thực hiện việc giao đầy đủ số tiền như cam kết cho bị đơn, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán số tiền vay cho nguyên đơn khi đến hạn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của nguyên đơn, vi phạm hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và vi phạm Điều 95 Luật tổ chức tín dụng. Do đó nguyên đơn Ngân hàng N1 yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vốn 180.000.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn nhận thấy: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo thoả thuận trong hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền lãi là có căn cứ chấp nhận và số tiền lãi bị đơn phải trả tạm tính đến ngày 25/9/2023 là 264.680.000 đồng. Trong đó: Số tiền vốn là 180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 82.701.370 đồng, lãi quá hạn là 1.978.630 đồng và bị đơn phải trả lãi phát sinh sau ngày 25/9/2023 đến ngày trả nợ hết nợ.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn nhận thấy: Giữa Ngân hàng và bà Ngô Thị T, ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201500489/HĐTC ngày 03/11/2015 với tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 512, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.867 m^2, toạ lạc ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B655844, số vào sổ cấp giấy 00149 do UBND huyện M cấp ngày 01 tháng 8 năm 1993 cho hộ bà Ngô Thị T. Hợp đồng này đã được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã H và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện M đúng theo quy định. Vì vậy, trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N1 yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ và đúng quy định. Do đó cần buộc ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B có trách nhiệm giao lại quyền sử dụng đất và tài sản trên đất khi cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ .

[6] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 700.000 đồng, bị đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã nộp tạm ứng trước nên bị đơn phải có nghĩa vụ nộp để trả lại cho nguyên đơn, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên.

[7] Về án phí: Bị đơn Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 13.234.000đồng theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Ngân hàng N1 không phải chịu án phí, được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

[11] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 325 của Bộ luật Dân sự 2015.

Căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N1 đối với bị đơn ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B, Ngô Thị T.

1. Buộc bị đơn ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ cho Ngân hàng N1 tạm tính đến ngày 25/9/2023 là 264.680.000 đồng. Trong đó: Số tiền vốn là 180.000.000 đồng, lãi trong hạn là 82.701.370 đồng, lãi quá hạn là 1.978.630 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7608LAV201801495/HĐTD ngày 01/11/2018.

2. Trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của người khác số 7608LCP201500489/HĐTC ngày 03/11/2015 là Quyền sử dụng đất thuộc thửa số 512, tờ bản đồ số 7, diện tích 6.867 m^2, toạ lạc ấp H, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B655844, số vào sổ cấp giấy 00149 do UBND huyện M cấp ngày 01 tháng 8 năm 1993 cho hộ bà Ngô Thị T để Ngân hàng thu hồi nợ.

3. Khi Ngân hàng N1 có đơn yêu cầu thì ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B phải có nghĩa vụ bàn giao tài sản cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

4.Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đoàn Quốc H, bà Lê Thị B được phải chịu án phí có giá ngạch là 13.234.000đồng.

Ngân hàng N1 không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.208.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0002803 ngày 16/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải nộp chi phí tố tụng là 700.000 đồng. Do nguyên đơn Ngân hàng N1 đã nộp tạm ứng trước nên buộc bị đơn phải chịu số tiền 700.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng N1.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Xuyên;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Kiều Oanh